

Số: /BC-UBND

Xã Nguyễn Nghiêm, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đơn vị báo cáo: UBND Xã Nguyễn Nghiêm;
- Cán bộ đầu mối phụ trách: Phan Thị Thanh Hương;
- Chức vụ: Chuyên Viên Phòng Văn hoá - Xã hội;
- Số điện thoại: 0363884275.

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT, CDS VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2023, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; kế hoạch số 316/KH-SGDĐT ngày 23/3/2021 của sở Giáo dục đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chính quyền điện tử và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025; các văn bản về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục theo năm học các trường từ Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn Xã Nguyễn Nghiêm (06 trường học gồm 02 trường MN, 02 trường Tiểu học và 02 trường THCS) đã thực hiện như sau:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo từng năm học.
- Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học.
- Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS).
- Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS;
- Tổ chức dạy môn Tin học; tổ chức dạy học trực tuyến, làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong trường; đảm bảo đủ thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy và học; triển khai hiệu quả

việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT (quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về việc quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước).

- Tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G) cho học sinh, giáo viên và nhà trường.

- Cập nhật thường xuyên các thông tin tuyên truyền, chính sách về giáo dục; gương điển hình tiên tiến trong ngành trên trang thông tin điện tử nhà trường.

- Tăng cường triển khai hệ thống quản lý hành chính điện tử, sử dụng ký số trong việc gửi/nhận văn bản, duyệt giáo án, các hồ sơ điện tử, ...

2. Chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị và thông kê giáo dục

2.1. Triển khai cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành:

- Đã sử dụng, khai thác và thực hiện báo cáo trên hệ thống CSDL toàn ngành của Bộ GDĐT tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn/>.

- Cập nhật, rà soát, kiểm tra dữ liệu và nộp báo cáo đầy đủ, chính xác và đúng thời gian yêu cầu của Sở GDĐT.

- Đã đồng bộ cơ sở dữ liệu (thông tin lớp học, thông tin đội ngũ, thông tin người học, thông tin cơ sở vật chất và trang thiết bị trong cơ sở giáo dục, thông tin tài chính) lên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia của Bộ GDĐT.

2.2. Triển khai phần mềm quản lý trường học: Triển khai ứng dụng phần mềm quản trị trường học (VnEdu); thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện, SMAS, CSDL, Edoc số hóa sổ sách, tài nguyên phục vụ dạy và học); ký số hồ sơ, KHBD; phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV trên phần mềm tại địa chỉ: <https://cbccvc.quangngai.gov.vn>

2.3. Thực hiện tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Đã triển khai và thực hiện dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: qua zalo, trang web, thông qua cổng thông tin điện tử: <https://qlts.tsdc.edu.vn/>

2.4. Triển khai Dịch vụ công trực tuyến: 100% các phần mềm dùng trực tuyến như Tài sản công, Phần mềm CBCCVC,... Nhà trường có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT hoặc qua ứng dụng web), hướng dẫn sử dụng hệ thống quản trị nhà trường trên hệ thống phần mềm của cơ sở giáo dục: <https://csdl.moet.gov.vn>; <https://truong.csdl.moet.gov.vn>, ...

2.5. Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt: 100% phụ huynh nộp tiền qua giao dịch ngân hàng.

2.6. *Triển khai học bạ số*: Đã triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử (có chứng thư số) trên phần mềm: <https://hocba.edu.vn/quan-ly-hoc-ba/danh-sach-hoc-ba>

- Hoàn thành việc đồng bộ thông tin học sinh từ cơ sở dữ liệu ngành vào hệ thống Học bạ số theo đúng khung thời gian năm học.

- Chất lượng dữ liệu: 100% dữ liệu về điểm số, nhận xét, chuyên cần đã được đồng bộ từ phần mềm Quản lý trường học sang hệ thống Học bạ số của Bộ GD&ĐT.

- Độ chính xác: Thực hiện đối soát 2 bước giữa giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm trước khi đẩy dữ liệu lên hệ thống, đảm bảo không có sai sót về định danh học sinh (số định danh cá nhân, ngày sinh, nơi sinh).

2.7. *Triển khai văn bằng số*: 100% dữ liệu học sinh được số hóa. Hồ sơ học sinh được lưu trữ tập trung, dễ tra cứu. Nâng cao hiệu quả quản lý của nhà trường.

2.8. *Công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân*:

Các trường có biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến, thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống CSDL giáo dục.

3. Chuyển đổi số trong công tác dạy và học

3.1. *Phát triển, sử dụng học liệu số*: Huy động giáo viên tích cực tham gia đóng góp học liệu số để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng; hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số giới thiệu từ Bộ GD&ĐT trên trang <https://igiaoduc.vn/> và các nguồn tài nguyên tin cậy trên Internet.

Kế hoạch bài dạy của giáo viên thực hiện lưu trữ trên phần mềm SMAS - EDOC tại địa chỉ: <https://edoc.edu.vn/signing-books>, được tổ chuyên môn và nhà trường ký duyệt. Nhiều bài giảng của giáo viên được lưu trữ trên Google Driver.

3.2. Triển khai Thư viện số / thư viện điện tử:

Thư viện về cơ bản chưa ổn định về cơ sở vật chất và nhân sự, nhưng các trường cũng đã chuyển đổi số theo hình thức mượn sách trên các ứng dụng Vietbiblio, Thư viện đã thực hiện biên mục toàn bộ sách mới theo Chương trình GDTP 2018 của thư viện vào phần mềm, thực hiện việc mượn trả sách của giáo viên hoàn toàn bằng phần mềm. Thông qua phần mềm thư viện: giáo viên, học sinh có thể thực hiện việc tra cứu và tìm mượn sách có ở thư viện

3.3. Tập huấn, phát triển năng lực số

Các trường chú trọng công tác bồi dưỡng đội ngũ nhân lực (cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh) có kiến thức, kỹ năng. đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học. Hướng dẫn cụ thể về tổ chức học trực tuyến để triển khai, hướng dẫn, tập huấn cho giáo viên kỹ thuật thực hiện, xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng bộ môn.

100% đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số.

100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu (tài khoản Temis, tài khoản bồi dưỡng thường xuyên trực tuyến vnedu, MS team, Google Meet) để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động theo địa chỉ <https://taphuan.csdl.edu.vn>

4. Dạy học trực tuyến, ứng dụng AI trong tổ chức hoạt động giáo dục

Nhà trường có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến, đã áp dụng cho toàn trường, các phần mềm như: Zoom Meeting, Google Meet, Microsoft Teams... Phần mềm có đầy đủ các chức năng giúp giáo viên tổ chức triển khai dạy học trực tuyến trực tiếp để giảng bài và hướng dẫn, giao nhiệm vụ học tập đồng thời cho tất cả học sinh tham dự trong cùng một không gian học tập thông qua kênh hình, kênh tiếng, kênh chữ (chia sẻ màn hình máy tính), chuyển tải học liệu dạy học trực tuyến đến học sinh; giúp học sinh tương tác, trao đổi thông tin theo thời gian thực với giáo viên và những học sinh khác trong cùng một không gian học tập; cho phép Phụ huynh học sinh cùng tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh để nắm tình hình học tập của con em.

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho học sinh trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN để tổ chức thi trên máy tính đối với môn Tin: <https://python.codeutility.io/vi/>; thi IOE: <https://ioe.vn/trang-chu>.

Đồng thời, trong quá trình dạy học, giáo viên đã ứng dụng đa dạng các phần mềm để tăng cường tổ chức đánh giá học sinh thường xuyên bằng hình thức trực tuyến như: Google Form, Quizze,...100% học sinh tham gia.

5. Công tác kiểm tra, giám sát:

Trong năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch, tổ chức KTNB 02 Chuyên đề: *Ứng dụng AI trong dạy học và Lồng ghép Năng lực số trong dạy học*. Kết quả, đa số giáo viên ứng dụng hiệu quả các nội dung, yêu cầu của Chuyên đề trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU

STT	Nội dung nhiệm vụ/Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Ghi chú/ Khó
-----	-------------------------------------	-------------	-------------------	--------------

				khẩn
1	Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá			
1.1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục (CSGD) khai thác phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến, theo dõi và phân tích quá trình học tập của người học	%	70%	Khó khăn với những thầy cô lớn tuổi trong công tác chuyển đổi số
1.2	Số lượng mô hình dạy học tiên tiến (lớp học thông minh, học tập tương tác) đã triển khai	Mô hình	01	
1.3	Tỷ lệ giáo viên được tập huấn kỹ năng ứng dụng AI và năng lực số	%	80%	Khối Mầm non vẫn chưa ứng dụng nhiều
1.4	Tỷ lệ CSGD thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính	%	0	
1.5	Số lượng học liệu số dùng chung được xây dựng mới trong năm học 2025-2026	SL	20	
2	Quản trị nhà trường và cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành			
2.1	Tỷ lệ CSGD triển khai phần mềm quản trị trường học kết nối thông suốt với CSDL ngành	%	100%	
2.2	Tỷ lệ người học, nhà giáo được định danh và quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 100%)	%	- Số lượng người học được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất: = đạt tỉ lệ: 100% - Số lượng nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất: = đạt tỉ lệ: 100%	
2.3	Tỷ lệ cơ sở vật chất, thiết bị được quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 80%)	%	- 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.	
2.4	Kết quả triển khai học bạ số và văn bằng số	Mô tả	Hoàn thành việc đồng bộ thông tin học sinh từ cơ sở dữ liệu ngành vào hệ thống Học bạ số theo đúng khung thời gian năm học.	
3	Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt			

3.1	Tỷ lệ CSGD triển khai dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học	%	100% học sinh đăng ký trực tuyến tuyển sinh vào lớp 1 và lớp 6	
3.2	Tỷ lệ CSGD thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt	%	100% học sinh	
3.3	Tỷ lệ CSGD triển khai kết nối phần mềm quản lý học phí với Nền tảng thanh toán trực tuyến Công DVC quốc gia	%	100%	
4	Hạ tầng, nhân lực và an toàn thông tin			
4.1	Tỷ lệ CSGD có kết nối Internet băng thông rộng	%	Có (100%)	
4.2	Tỷ lệ CSGD đã triển khai giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường	%	Có (100%)	
4.3	Số lượng cuộc rà soát an toàn, an ninh thông tin trong năm của Sở GDĐT (đối với Sở GDĐT, đối với các CSGD)	Cuộc	02	
4.4	Kết quả triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" tại địa phương	Mô tả	- CBQL, GV Sử dụng thành thạo nền tảng dạy học số; Ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá. - Sử dụng học bạ điện tử, hồ sơ điện tử. * Kết quả: - Nâng cao chất lượng dạy và học; Tăng hiệu quả quản lý nhà trường; - Hình thành kỹ năng công dân số cho học sinh; Tạo môi trường giáo dục hiện đại; Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục THCS.	

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ

1. Ưu điểm:

Về phương tiện, đường truyền, phần mềm đáp ứng yêu cầu về tham gia các hoạt động dạy và học trực tuyến:

+ Đường truyền Internet ổn định.

Xây dựng hạ tầng mạng (tất cả các phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc đều được kết nối mạng), trang thiết bị công nghệ thông tin (như máy tính, bảng tương tác thông minh, camera, máy in), đường truyền, dịch vụ internet, tận dụng tối đa các phương tiện để hỗ trợ cho giáo viên khi dạy học trực tuyến.

+ 100% giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số. Trước hết là kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học. Hướng dẫn cụ thể về tổ chức học trực tuyến để triển khai, hướng dẫn, tập huấn cho giáo viên kỹ thuật thực hiện, xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng bộ môn.

+ Huy động giáo viên tích cực tham gia đóng góp học liệu số để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng; hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số giới thiệu từ Bộ GD&ĐT trên trang <https://igiaoduc.vn/> và các nguồn tài nguyên tin cậy trên Internet.

+ Tăng cường tổ chức đánh giá học sinh thường xuyên bằng hình thức trực tuyến (môn Tin học); từng bước tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên máy tính đảm bảo khách quan, công bằng và có độ tin cậy như hệ thống học và thi trực tuyến LMS (Learning Management System), Google Form, Quizzze. Triển khai học trực tuyến qua Zoom, Google Meet.

+ Triển khai hiệu quả các hệ thống thông tin, ứng dụng như: Phần mềm quản trị trường học (VnEdu); thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và CSDL số hóa sách, tài nguyên phục vụ dạy và học); ký số hồ sơ, KHBD; 100% học sinh thực hiện học bạ số theo lộ trình của Bộ GD&ĐT.

+ 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu (tài khoản Temis, tài khoản bồi dưỡng thường xuyên trực tuyến vnedu, MS team, Google Meet).

2. Tồn tại, hạn chế:

Số lượng học sinh có máy tính tại nhà còn thấp (ước tính 20%) chủ yếu các em sử dụng trên điện thoại thông minh nên gặp nhiều khó khăn trong học tập.

Trình độ, kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của một số giáo viên chưa cao.

Các phần mềm và nền tảng học trực tuyến tốt và đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhưng có giá thành cao.

Chưa thực hiện được việc chuyển trường bằng hình thức trực tuyến do các trường ở nhiều tỉnh không sử dụng cùng một hệ thống phần mềm quản trị và không thực hiện chuyển trường trên phần mềm CSDL ngành giáo dục.

Vẫn chưa kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục, do hiện tại tất cả các trường vẫn chưa có giáo viên tin đủ điều kiện để đảm nhiệm công tác CNTT và chuyển đổi số.

Một bộ phận giáo viên lớn tuổi còn hạn chế kỹ năng ứng dụng AI và chuyển đổi số.

Kinh phí đầu tư cho hạ tầng CNTT còn khó khăn.

3. Kiến nghị với Bộ GDĐT:

3.1. Về cơ chế, chính sách

Tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn thống nhất về chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông,

Xây dựng chính sách khuyến khích giáo viên ứng dụng CNTT, phát triển học liệu số và đổi mới phương pháp dạy học trên nền tảng số.

Có quy định thống nhất về quản lý, lưu trữ và sử dụng hồ sơ điện tử, học bạ điện tử, văn bằng số trong toàn ngành.

Hỗ trợ triển khai đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, tránh việc sử dụng nhiều phần mềm riêng lẻ gây khó khăn cho nhà trường.

3.2. Về hạ tầng và thiết bị

Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ dạy học số như: Máy tính, thiết bị phòng học thông minh.

UBND Xã Nguyễn Nghiêm kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Văn hoá - Xã hội;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Trực